

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/DS-ST

Ngày: 16 - 5 - 2025

V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Chí

2. Bà Bùi Thị D.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 612/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/QĐST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997; ĐKTT: 227/66 ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: 74/2 ấp An Hội B, xã An Thuận, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T: chị Phan Kỳ D, sinh năm: 2001; ĐKTT: Tổ 6, khu phố 2, Thị trấn V, huyện Đ, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: 74/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B theo văn bản Giấy ủy quyền đề ngày 12/3/2025 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988 và bà Lương Thị Ngọc H, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: 327/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T – chị Phan Kỳ D trình bày:

Hiện bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản M (gọi tắt là M) theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ

kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2024. Đồng thời bà T là người nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ kinh doanh cửa hàng thuốc Thú Y Thủy sản M từ chủ hộ kinh doanh trước đó là ông Trần Duy Q (theo Văn bản thỏa thuận đề ngày 31/10/2024), giữa ông Huỳnh Tấn S và ông Trần Duy Q (theo Văn bản thỏa thuận đề ngày 15/6/2022).

Theo đó ngày 02/3/2022 M và ông Nguyễn Văn Đ, bà Lương Thị Ngọc H đã có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Nguyễn Văn Đ, bà Lương Thị Ngọc H nuôi tôm, đến cuối vụ ông Đ, bà H phải thanh toán dứt điểm công nợ cho M. Trong quá trình giao dịch, ông Đ và bà H không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho M. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 03/01/2023 ông Đ, bà H còn nợ M số tiền là 42.209.000 đồng. Vậy tổng cộng nợ ông Nguyễn Văn Đ, bà Lương Thị Ngọc H còn nợ M số tiền là 42.209.000 đồng. M đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà H thanh toán nhưng ông Đ, bà H hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Ông Đ và bà H là vợ chồng hợp pháp, cùng mua thức ăn nuôi tôm, thuốc và vật tư thủy sản để nuôi tôm công nghiệp nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của vợ chồng nên ông Đ và bà H phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho M.

Nay bà T – chủ hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản M yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T tổng số tiền nợ 42.209.000 đồng. Đồng thời chị T yêu cầu ông Đ và bà H phải trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 19/12/2024) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Bà T cũng xin tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi 7.707.000 đồng theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2024.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H cùng vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bị đơn ông

Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H trả tiền mua thuốc, hóa chất xử lý, thức ăn nuôi tôm (gọi tắt là thức ăn nuôi tôm) nên xác định Đ là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H có nơi cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[4] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T: Xét hợp đồng mua bán lập ngày 02/3/2022 giữa bên bán là ông Huỳnh Tấn Sang và bên mua là ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H; ông Sang và ông Đ, bà H đều có ký tên xác nhận vào hợp đồng. Xét việc chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với ông Đ, bà H được thực hiện từ ông Huỳnh Tấn Sang ông Trần Duy Q theo Văn bản thỏa thuận đề ngày 15/6/2022; từ ông Trần Duy Q sang bà Nguyễn Thị Thanh T theo Văn bản thỏa thuận đề ngày 31/10/2024 là phù hợp với quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự. Do đó bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H phù hợp quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H trả số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là nợ 42.209.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 19/12/2024) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, với mức lãi suất 0.83%/tháng.

[6] Về nghĩa vụ trả tiền: Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khởi kiện bà T có cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính hợp đồng mua bán ngày 02/3/2022; bản chính bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 03/01/2023 làm căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và xác định số tiền bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H còn nợ đối với bà T - chủ hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản M là 42.209.000 đồng.

Về trách nhiệm liên đới của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H: nguyên đơn bà T có cung cấp 01 bản sao trích lục kết hôn giữa ông Đ và bà H kết hôn năm 2009, để chứng minh quan hệ hôn nhân hợp pháp của giữa ông Đ và bà H và hiện nay vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân này. Chị T cho rằng vợ chồng ông Đ, bà H mua thức ăn nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế chung nhưng phía ông Đ và bà H đều không có ý kiến phản đối.

Từ những căn cứ trên nên có đủ cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Đối với các bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng các bị đơn ông Đ, bà H vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ gốc 42.209.000 đồng và 1.716.374 đồng tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp. Tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 19/12/2024 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày 16/5/2025 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án), cụ thể như sau: $42.209.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 1.716.374 \text{ đồng}$.

[7] Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 7.707.000 đồng, xét Đ là sự tự nguyện nên cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244; các Điều 217, 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 365, 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H về số tiền lãi 7.707.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 43.925.374 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lương Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới chịu 2.196.268 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.248.000 đồng theo biên lai thu số 0008556 ngày 17/12/2024.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung

